

Số: 437/QĐ/TGD-MXV

Hà Nội, ngày 02 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Ban hành mức ký quỹ khi giao dịch liên kỳ hạn mặt hàng Nông sản tại Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam

TỔNG GIÁM ĐỐC SỞ GIAO DỊCH HÀNG HÓA VIỆT NAM

- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005;
- Căn cứ Nghị định số 158/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa;
- Căn cứ Nghị định số 51/2018/NĐ-CP ngày 9/4/2018 của Chính phủ ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 158/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa;
- Căn cứ Giấy phép thành lập Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam số 4596/GP-BCT do Bộ Công Thương cấp ngày 01/09/2010 và các Giấy phép sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam;
- Căn cứ Quy chế Niêm yết và Giao dịch Hợp đồng Kỳ hạn tiêu chuẩn hàng hóa tại Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam;
- Xét đề nghị của Khối Quản lý giao dịch,

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Ban hành các mức ký quỹ khi thực hiện giao dịch liên kỳ hạn (inter-month), mặt hàng Nông sản tại Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam (MXV) theo **Phụ Lục I** đính kèm.
- Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày **03/09/2021** và thay thế Quyết định số: 433/QĐ/TGD-MXV ngày 31/08/2021.
- Điều 3.** Ban Giám đốc, các Đơn vị nghiệp vụ trực thuộc Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam; Thành viên Kinh doanh; Thành viên Môi giới chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: Khối QLGD, HC./.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Dương Đức Quang

PHỤ LỤC I
MỨC KÝ QUỸ GIAO DỊCH LIÊN KỶ HẠN (INTER-MONTH) MẶT HÀNG NÔNG SẢN
TẠI SỞ GIAO DỊCH HÀNG HÓA VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 117/QĐ/TGD-MXV của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam ngày 02 tháng 9 năm 2021)



I. Danh sách các mức ký quỹ liên kỳ hạn mặt hàng Nông sản

1. Dầu đậu tương

STT	Tên hàng hóa	Nhóm hàng hóa	Sở Giao dịch hàng hóa nước ngoài liên thông	Kỳ hạn bắt đầu	Kỳ hạn kết thúc	Mức ký quỹ ban đầu	
1	Dầu đậu tương	Nông sản	CBOT	09/2021	10/2021	1,513	USD
2				09/2021	12/2021	1,980	USD
3				09/2021	01/2022	2,090	USD
4				09/2021	03/2022	2,200	USD
5				09/2021	05/2022	2,228	USD
6				09/2021	07/2022	2,255	USD
7				09/2021	08/2022	2,283	USD
8				10/2021	12/2021	743	USD
9				10/2021	01/2022	798	USD
10				10/2021	03/2022	990	USD
11				10/2021	05/2022	1,320	USD
12				10/2021	07/2022	1,430	USD
13				10/2021	08/2022	1,540	USD
14				12/2021	01/2022	440	USD
15				12/2021	03/2022	715	USD
16				12/2021	05/2022	990	USD
17				12/2021	07/2022	1,100	USD
18				12/2021	08/2022	1,210	USD
19				01/2022	03/2022	303	USD
20				01/2022	05/2022	605	USD
21				01/2022	07/2022	770	USD
22				01/2022	08/2022	880	USD
23				03/2022	05/2022	275	USD
24				03/2022	07/2022	440	USD
25				03/2022	08/2022	743	USD
26				05/2022	07/2022	275	USD
27				05/2022	08/2022	440	USD



28				07/2022	08/2022	275	USD
----	--	--	--	---------	---------	-----	-----

2. Đậu tương

STT	Tên hàng hóa	Nhóm hàng hóa	Sở Giao dịch hàng hóa nước ngoài liên thông	Kỳ hạn bắt đầu	Kỳ hạn kết thúc	Mức ký quỹ ban đầu	
1	Đậu tương	Nông sản	CBOT	09/2021	11/2021	1,128	USD
2				09/2021	01/2022	2,063	USD
3				09/2021	03/2022	2,530	USD
4				09/2021	05/2022	2,558	USD
5				09/2021	07/2022	2,613	USD
6				09/2021	08/2022	2,668	USD
7				11/2021	01/2022	1,045	USD
8				11/2021	03/2022	1,870	USD
9				11/2021	05/2022	1,980	USD
10				11/2021	07/2022	2,393	USD
11				11/2021	08/2022	2,448	USD
12				01/2022	03/2022	908	USD
13				01/2022	05/2022	1,045	USD
14				01/2022	07/2022	1,375	USD
15				01/2022	08/2022	1,760	USD
16				03/2022	05/2022	550	USD
17				03/2022	07/2022	1,018	USD
18				03/2022	08/2022	1,320	USD
19				05/2022	07/2022	550	USD
20				05/2022	08/2022	1,018	USD
21				07/2022	08/2022	550	USD

3. Khô đậu tương

Stt	Tên hàng hóa	Nhóm hàng hóa	Sở Giao dịch hàng hóa nước ngoài liên thông	Kỳ hạn bắt đầu	Kỳ hạn kết thúc	Mức ký quỹ ban đầu	
1	Khô đậu tương	Nông sản	CBOT	09/2021	10/2021	688	USD
2				09/2021	12/2021	1,155	USD
3				09/2021	01/2022	1,403	USD
4				09/2021	03/2022	1,430	USD
5				09/2021	05/2022	1,540	USD

6				09/2021	07/2022	1,595	USD
7				09/2021	08/2022	1,650	USD
8				10/2021	12/2021	605	USD
9				10/2021	01/2022	1,155	USD
10				10/2021	03/2022	1,403	USD
11				10/2021	05/2022	1,551	USD
12				10/2021	07/2022	1,568	USD
13				10/2021	08/2022	1,595	USD
14				12/2021	01/2022	605	USD
15				12/2021	03/2022	1,155	USD
16				12/2021	05/2022	1,293	USD
17				12/2021	07/2022	1,348	USD
18				12/2021	08/2022	1,375	USD
19				01/2022	03/2022	605	USD
20				01/2022	05/2022	853	USD
21				01/2022	07/2022	963	USD
22				01/2022	08/2022	1,073	USD
23				03/2022	05/2022	605	USD
24				03/2022	07/2022	825	USD
25				03/2022	08/2022	935	USD
26				05/2022	07/2022	605	USD
27				05/2022	08/2022	781	USD
28				07/2022	08/2022	605	USD

4. Lúa mỳ

STT	Tên hàng hóa	Nhóm hàng hóa	Sở Giao dịch hàng hóa nước ngoài liên thông	Kỳ hạn bắt đầu	Kỳ hạn kết thúc	Mức ký quỹ ban đầu	
1	Lúa mỳ	Nông sản	CBOT	09/2021	12/2021	495	USD
2				09/2021	03/2022	743	USD
3				09/2021	05/2022	825	USD
4				09/2021	07/2022	935	USD
5				12/2021	03/2022	369	USD
6				12/2021	05/2022	660	USD
7				12/2021	07/2022	770	USD
8				03/2022	05/2022	369	USD
9				03/2022	07/2022	495	USD

GP
GIAC
VG
ET
HAY

10				05/2022	07/2022	369	USD
----	--	--	--	---------	---------	-----	-----

5. Ngô

STT	Tên hàng hóa	Nhóm hàng hóa	Sở Giao dịch hàng hóa nước ngoài liên thông	Kỳ hạn bắt đầu	Kỳ hạn kết thúc	Mức ký quỹ ban đầu	
1	Ngô	Nông sản	CBOT	09/2021	12/2021	1,045	USD
2				09/2021	03/2022	1,210	USD
3				09/2021	05/2022	1,320	USD
4				09/2021	07/2022	1,430	USD
5				12/2021	03/2022	660	USD
6				12/2021	05/2022	935	USD
7				12/2021	07/2022	990	USD
8				03/2022	05/2022	495	USD
9				03/2022	07/2022	825	USD
10				05/2022	07/2022	330	USD

Ghi chú: Các trường hợp khác theo quy định của Sở Giao dịch hàng hóa ở nước ngoài có liên thông.

II. Danh sách các mức ký quỹ ban đầu theo kỳ hạn mặt hàng Nông sản

1. Dầu đậu tương

STT	Tên hàng hóa	Mã hàng hóa	Nhóm hàng hóa	Sở Giao dịch hàng hóa nước ngoài liên thông	Kỳ hạn hợp đồng	Mức ký quỹ ban đầu	
1	Dầu đậu tương	ZLE	Nông sản	CBOT	09/2021	3,080	USD
2					10/2021	2,970	USD
3					12/2021	2,750	USD
4					01/2022	2,668	USD
5					03/2022	2,640	USD
6					05/2022	2,448	USD
7					07/2022	2,310	USD
8					08/2022	2,090	USD

2. Đậu tương

STT	Tên hàng hóa	Mã hàng hóa	Nhóm hàng hóa	Sở Giao dịch hàng hóa nước ngoài liên thông	Kỳ hạn hợp đồng	Mức ký quỹ ban đầu	
-----	--------------	-------------	---------------	---	-----------------	--------------------	--

1	Đậu tương	ZSE	Nông sản	CBOT	09/2021	5,500	USD
2					11/2021	5,500	USD
3					01/2022	5,500	USD
4					03/2022	5,500	USD
5					05/2022	5,500	USD
6					07/2022	5,280	USD
7					08/2022	5,170	USD

3. Khô đậu tương

STT	Tên hàng hóa	Mã hàng hóa	Nhóm hàng hóa	Sở Giao dịch hàng hóa nước ngoài liên thông	Kỳ hạn hợp đồng	Mức ký quỹ ban đầu	
1	Khô đậu tương	ZME	Nông sản	CBOT	09/2021	3,080	USD
2					10/2021	3,025	USD
3					12/2021	2,915	USD
4					01/2022	2,915	USD
5					03/2022	2,915	USD
6					05/2022	2,915	USD
7					07/2022	2,640	USD
8					08/2022	2,585	USD

4. Lúa mỳ

STT	Tên hàng hóa	Mã hàng hóa	Nhóm hàng hóa	Sở Giao dịch hàng hóa nước ngoài liên thông	Kỳ hạn hợp đồng	Mức ký quỹ ban đầu	
1	Lúa mỳ	ZWA	Nông sản	CBOT	09/2021	2,530	USD
2					12/2021	2,475	USD
3					03/2022	2,420	USD
4					05/2022	2,310	USD
5					07/2022	2,200	USD

5. Ngô

STT	Tên hàng hóa	Mã hàng hóa	Nhóm hàng hóa	Sở Giao dịch hàng hóa nước	Kỳ hạn hợp đồng	Mức ký quỹ ban đầu	
-----	--------------	-------------	---------------	----------------------------	-----------------	--------------------	--

				ngoài liên thông			
1	Ngô	ZCE	Nông sản	CBOT	09/2021	2,310	USD
2					12/2021	2,255	USD
3					03/2022	2,035	USD
4					05/2022	1,953	USD
5					07/2022	1,925	USD

Ghi chú: Các trường hợp khác theo quy định của Sở Giao dịch hàng hóa ở nước ngoài có liên thông.

III. Mức ký quỹ áp dụng tại MXV

- Mức ký quỹ ban đầu áp dụng tại MXV bằng 120% mức ký quỹ ban đầu tại các Sở Giao dịch hàng hóa ở nước ngoài có liên thông được công bố trong danh sách trên.
- Mức ký quỹ ban đầu trong danh sách trên sẽ được tính toán theo tỷ giá quy đổi do MXV công bố trong từng thời điểm.

